

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 9 - 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Kim Thanh Tr, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1987; địa chỉ cư trú ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị H, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2000; địa chỉ cư trú ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021 nguyên đơn anh Kim Thanh Tr trình bày: Vào năm 2018 do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên anh và chị Kim Thị H, tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, hai nên gia đình có làm lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú vào ngày 09/5/2018. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống chung với gia đình của anh tại ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có 01 người con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020.

Đến tháng 02/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cãi nhau do chị H thường xuyên tự bỏ về nhà cha mẹ ruột, trong thời gian này anh cũng thường tới lui để thăm con đến tháng 10/2020 thì không biết nguyên nhân gì chị H không cho anh tới lui thăm con nữa, mỗi lần anh qua thăm con thì chị H và gia đình đều sủa đuổi. Sau này anh mới biết được là chị H đã có quen với người đàn ông khác, họ thường xuyên hẹn hò gặp gỡ nhau và hiện tại chị H đã công khai lên mạng xã hội đang hẹn hò chung với người đàn ông đó tại tỉnh Đồng Nai. Từ đó, vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Đến nay nhận thấy giữa vợ chồng anh đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Kim Thị H; về con chung yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/5/2021 của bị đơn chị Kim Thị H trình bày: Vào năm 2018 do quen biết và qua thời gian tìm hiểu yêu thương nên chị và anh Kim Thanh Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú vào ngày 09/5/2018. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống chung bên nhà cha mẹ chồng tại ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh và có 01 người con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020. Tuy nhiên, cuộc sống bên gia đình chồng rất khó khăn, mẹ chồng và luôn tìm các gây khó dễ, mỗi lần đi nhậu say về đều quậy quạn khiến chị và gia đình rất sợ hãi nên chị không thể tiếp tục ở chung được nữa. Từ đó chị đã âm con trở về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh Tr từ tháng 10/2020 đến nay. Nay nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Tr không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của anh Tr; về con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020 thì chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con; về tài sản có 01 con bò là của mẹ chị cho lúc gã về nhà chồng, khi ly hôn chị yêu cầu nhận lại con bò này. Ngoài ra, giữa vợ chồng không còn tranh chấp tài sản chung gì khác; về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Kim Thanh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị H và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung thì không có; bị đơn chị Kim Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị H đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tr yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận; về con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020, hiện nay cháu Trường A đang sống trực tiếp với bên vợ (chị H), điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng bên gia đình chị H tốt hơn và hiện nay cháu Trường A vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi theo nguyên tắc tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì được giao cho người mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc anh Tr yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kim Thanh Tr.

+ Về hôn nhân: Cho anh Kim Thanh Tr được ly hôn với chị Kim Thị H.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020 cho chị Kim Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện thì anh Kim Thanh Tr yêu cầu được ly hôn với chị Kim Thị H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Kim Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Kim Thanh Tr và chị Kim Thị H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/5/2018 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống chung với gia đình Tr tại ấp S, xã N, huyện

T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu anh, chị chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến tháng 02 năm 2020 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, mất niềm tin lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Phía anh Tr cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H; phía chị H cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh Tr. Xét thấy đây là sự tự nguyện ly hôn giữa anh Tr và chị H. Tuy nhiên, do chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị H được mà chấp nhận cho anh Tr được ly hôn với chị H theo yêu cầu ly hôn của anh Tr.

[3] Về con chung: Anh Tr và chị H đều xác nhận có 01 người con chung tên Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020. Hiện nay cháu Trường A do bà Kim Thị N (mẹ chị Kim Thị H) đang trực tiếp nuôi dưỡng, phía nguyên đơn anh Tr và bị đơn chị H đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Kim Phúc Trường A đang sống trực tiếp với bên chị H, quá trình sống chung với gia đình chị H, cháu Trường A cũng được sự yêu thương, chăm sóc chu đáo bên gia đình chị H. Hơn nữa hiện nay cháu Trường A vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì được giao cho người mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con là không đủ căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, phía chị Kim Thị H là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Kim Thanh Tr có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí, do anh Tr là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặt biệt khó khăn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kim Thanh Tr.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Kim Thanh Tr được ly hôn với chị Kim Thị H.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Phúc Trường A, sinh ngày 24/01/2020 cho chị Kim Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Giữa anh Kim Thanh Tr và chị Kim Thị H đã tự thỏa thuận xong, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Anh Kim Thanh Tr và chị Kim Thị H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do nguyên đơn anh Kim Thanh Tr là người dân tộc thiểu số sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặt biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngọc Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn

